TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 28/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- ***Các Hội thẩm nhân dân***:

1. Ông Đỗ Hồng Thái.
2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 14/3/2019 đối với các bị cáo :

1.Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1991 tại: huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Vợ,con chưa có; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/12/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 05/12/2018(có mặt).

2.Họ và tên: **Tống Đức T**, sinh năm 1971 tại: huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Khối 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tống Đức T1 (đã chết) và bà Lê Thị T2; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/12/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 05/12/2018(có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; trú tại xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

*Người làm chứng: Ông Vũ Công S và anh Phạm Văn K1(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Nguyễn Văn N và Tống Đức T là bạn bè quen biết và đều là người sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức hít hê rô in. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03/12/2018, N đi xe mô tô từ nhà mình tại xóm 1, xã K đến nhà T ở khối 1, thị trấn B rủ T góp tiền mua hê rô in sử dụng chung, được T đồng ý, sau đó T góp cho N 50.000đ còn N bỏ ra 150.000đ và cả hai cùng đi tìm mua ma túy để sử dụng. Khoảng 11 giờ cùng ngày N chở T đến khu vực cầu Q, thuộc xóm 2, xã H, bảo T đứng chờ, còn N đi xe đến khu vực nghĩa địa gần chợ Q gặp người đàn ông không quen biết và mua được của người này 01 gói ma túy với giá 200.000đ rồi quay lại cầu Q đón T, sau đó T điều khiển xe chở N đi tìm nơi sử dụng. Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày khi về đến khu vực đê B I, thuộc khối 1, thị trấn B, thấy vắng người T dừng xe, N xuống xe lấy gói ma túy ra định mở để chia cho T để cả hai cùng sử dụng thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng huyện K và công an thị trấn B làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên tay trái của bị cáo N gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy tờ lịch, có chữ in bằng mực in vàng, xanh. Kiểm tra bên trong gói nhỏ thu giữ của của các bị cáo là chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định trọng lượng là 0,25 gam (ký hiệu M) gửi toàn bộ đi giám định.

Bản kết luận giám định số 29/KLGĐ-PC09-MT ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi tới giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2439 gam là chất ma túy, loại hê rô in.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 02/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Tống Đức T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Tống Đức T phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý ".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Tống Đức T từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn N và Tống Đức T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo khai nhận bản thân đều là người sử dụng ma tuý bằng hình thức hít hê rô in. Sáng ngày 03/12/2018 bị cáo N dùng xe mô tô của gia đình đến nhà T rủ cùng góp tiền mua ma túy sử dụng chung, T đồng ý và góp cho N 50.000đ, N bỏ ra 150.000đ, sau đó cả hai dùng xe mô tô đi tìm mua ma túy, khi đến ngã ba Q, N bảo T

xuống xe đứng chờ, còn N đi xe đến khu vực nghĩa địa thuộc xóm 2, xã H gặp một người đàn ông không quen biết, đoán là người nghiện ma túy nên đã hỏi và mua được của người đó 01 gói hêrôin với giá 200.000đ, sau đó quay lại đón T và T điều khiển xe chở N tìm nơi vắng để sử dụng, khi tới đoạn đường đê B I thuộc khối 1, thị trấn B, thấy vắng người T dừng xe, N lấy gói ma túy ra định chia cho T cùng sử dụng thì bị tổ tuần tra Đồn Biên phòng K và công an thị trấn B phát hiện bị cáo N đang cầm gói ma túy trên tay, các bị cáo đã tự giác giao nộp gói hê rô in cho tổ công tác và khai nhận đó là gói hê rô in các bị cáo vừa góp tiền mua chung nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, biên bản cân xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, kết luận giám định gói bột thu giữ của các bị cáo.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận với hành vi cất giấu trong người 0,2439gam Hêrôin nhằm mục đích sử dụng, bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý " quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015. Bị cáo Tống Đức T có hành vi góp tiền và cùng với N đi mua ma túy về sử dụng chung là đồng phạm với N về tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý " quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất ma túy và các bị cáo biết rõ nhà nước có những quy định xử lý nghiêm khắc đối với những người có hành vi liên quan đến ma túy nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi góp tiền cùng đi mua hêrôin tàng trữ để sử dụng cho bản thân, vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo trước pháp luật, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, tuy nhiên cũng cần phân tích vị trí vai trò của từng bị cáo để có hình phạt phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Cụ thể, bị cáo N là người khởi xướng việc phạm tội, là người chuẩn bị phương tiện và bỏ ra số tiền nhiều hơn để mua hê rô in, là người trực tiếp mua và cất giấu hê rô in vì vậy vai trò của bị cáo N cao hơn, còn bị cáo T mặc dù bị rủ rê, vai trò thấp hơn nhưng bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện.

[3] Khi lượng hình cũng cần xem xét các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, đã tự giác giao nộp gói hê rô in cho cơ quan Công an; quá trình giải quyết vụ án các bị cáo khai báo thành khẩn; cả hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Về nguồn gốc Hêrôin: Bị cáo N khai mua của một người đàn ông khoảng 30 tuổi ở khu vực nghĩa địa thuộc xóm 2, xã H, bị cáo không quen biết người đó, có gặp lại cũng không nhận dạng được vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện K không đủ cơ sở để điều tra.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave, BKS35N-1371 các bị cáo sử dụng đi mua hê rô in là thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L (mẹ bị cáo N), bà L không biết bị cáo dùng xe đi mua hê rô in, vì vậy cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện K đã trả lại chiếc xe trên cho bà L là đúng quy định của pháp luật; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã cũ thu giữ của bị cáo T không liên quan đến vụ án vì vậy cần trả lại cho bị cáo T; 01 phong bì niêm phong ghi số 29/KLGĐ-PC09-MT, bên trong có chứa vật chứng còn lại sau khi giám định cùng vỏ niêm phong và 01 phong bì niêm phong, bên trong có vỏ bao gói niêm phong ban đầu, đây là những vật không còn giá trị sử dụng, vật nhà nước cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu tiêu huỷ.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Tống Đức T là đối tượng thuộc diện hộ cận nghèo vì vậy được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Tống Đức T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 03/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Tống Đức T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 03/12/2018.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Tống Đức T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã cũ.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 29/KLGĐ-PC09-MT trên giáp lai có chữ ký của bên giao bên nhận và đóng dấu của phòng ký thuật hình sự, bên trong có chứa vật chứng còn lại và vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong, trên phong bì có dấu niêm phong và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, bên trong có vỏ gói ngoài gói nhỏ là giấy tờ lịch trên có in chữ bằng mực màu xanh-vàng và vỏ phong bì niêm phong khi thu giữ vật chứng của các bị cáo.

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn N và Tống Đức T.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã K, TT B;
- Các bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh